

Bản án: 34 /2024/ HNGĐ - ST

Ngày 30/12/ 2024

“ V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

2. Bà Nguyễn Thị Bắc;

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXX- ST ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1995; có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Tô Văn T, sinh năm 1994; có mặt
Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng với ông Tô Văn T vào tháng 06/2014, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị về gia đình anh T ở chung cùng gia đình anh T luôn, quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn đã phát sinh từ đầu năm 2023, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần và anh T đã đánh chị một lần, do đó tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay và chị đã về nhà ngoại ở.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Tô Bảo N, sinh ngày 14/5/2015 và cháu Tô Tường V, sinh ngày 19/11/2017. Cả 02 cháu hiện nay đều đang ở cùng với anh T, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 01 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ/tháng, chị đảm bảo việc nuôi con khi được giao, chị hiện đang ở chung cùng bố mẹ đẻ.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Tô Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L vào tháng 06/2014, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị L về sinh sống cùng gia đình anh tại Thôn S, xã H; sau đó cả hai cùng chuyển ra ở riêng từ năm 2016 tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; vợ chồng anh đã sống ly thân từ vào khoảng tháng 03/2023 cho đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Tô Bảo N, sinh ngày 14/5/2015 và cháu Tô Tường V, sinh ngày 19/11/2017. Cả 02 cháu hiện nay đang ở với anh, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con có yêu, yêu cầu với số tiền là 1.000.000đ/cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hiện tại anh đang làm công nhân may, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh khoảng 3.000.000đ- 4.000.000đ/tháng, anh hiện nay đang có 02 nhà riêng để ở nếu được nuôi con anh đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Tô Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Tường V, sinh ngày 19/11/2017; Giao cho anh Tô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Bảo N, sinh ngày 14/5/2015; Về cấp dưỡng nuôi con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với anh Tô Văn T, anh T hiện đang cư trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L kết hôn với anh Tô Văn T vào tháng 06/2014, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 04 tháng 6 năm 2014 phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi cưới, chị L về sinh sống cùng với anh T; quá trình chung sống ban đầu tình cảm hòa thuận hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị Hoàng Thị L vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần và anh T đã đánh chị một lần, do đó tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm và chị đã về nhà ngoại ở. Anh Tô Văn T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; vợ chồng anh, chị đã sống ly thân vào tháng 02/2023 cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Xét thấy: Chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị L và anh T đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị ly hôn anh T đồng ý; Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L và anh T được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Tô Bảo N, sinh ngày 14/5/2015 và cháu Tô Tường V, sinh ngày 19/11/2017, hiện 02 cháu đang ở cùng với anh T; lời khai các cháu đều có nguyện vọng ở với anh T. Chị L có nguyện vọng được một cháu, anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị L và anh T đều là chính đáng; Căn cứ vào việc làm,

thu nhập của chị L, anh T cũng như ý kiến của cháu N, cháu V. Do cháu V còn nhỏ nên cần phải nhận được quan tâm, chăm sóc từ mẹ, cháu N có nguyện vọng được ở với bố; để đảm bảo quyền của bà mẹ và trẻ em, chia sẻ trách nhiệm của bố mẹ đối với các con cũng như quyền lợi về mọi mặt của con nên yêu cầu của chị L được chấp nhận, yêu cầu của anh T được chấp nhận một phần theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Tường V; giao cho anh Tô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Bảo N là hợp lý. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết; anh T có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nhưng Hội đồng xét xử giao cho mỗi người nuôi 01 con nên yêu cầu cấp dưỡng của anh T đối với chị L không được chấp nhận.

Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Tô Văn T được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Tường V, sinh ngày 19/11/2017. Anh Tô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Bảo N, sinh ngày 14/5/2015.

Chị L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu

cầu của anh Tô Văn T, chị Hoàng Thị L hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L được miễn án phí DSST ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hữu Sản;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn